

HỘI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM
CÂU LẠC BỘ KỸ NĂNG

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM GIA HOẠT ĐỘNG
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025 – 2026

- 1. Tên hoạt động:** Workshop Kỹ năng Tổ chức trò chơi & Tự tin giao tiếp
- 2. Thời gian tổ chức:** 05/10/2025
- 3. Địa điểm tổ chức:** Hội trường B, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM, Cơ sở 2 (Khu đô thị ĐHQG)
- 4. Thông tin người phụ trách:** Phạm Hiếu Nghĩa – Thành viên Ban chủ nhiệm (SĐT: 0903046130).

4. Danh sách sinh viên tham gia:

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa
1	24120044	Bùi Thị Thùy Dương	Công nghệ Thông tin
2	24120185	Nguyễn Gia Hưng	Công nghệ Thông tin
3	24120202	Võ Nhật Minh	Công nghệ Thông tin
4	24120241	Nguyễn Văn Thanh Tùng	Công nghệ Thông tin
5	24120253	Đặng Quốc An	Công nghệ Thông tin
6	24120280	Phan Hữu Danh	Công nghệ Thông tin
7	24120289	Nguyễn Anh Đức	Công nghệ Thông tin
8	24120304	Trần Thị Bích Hạnh	Công nghệ Thông tin
9	24120334	Hoàng Khang	Công nghệ Thông tin
10	24120408	Đoàn Tấn Phong	Công nghệ Thông tin
11	24120409	Lê Thanh Phong	Công nghệ Thông tin
12	24127211	Hồ Phan Như Nguyệt	Công nghệ Thông tin
13	24127480	Dương Châu Phát	Công nghệ Thông tin
14	24127523	Trần Vinh Quang	Công nghệ Thông tin
15	25120011	Trần Huỳnh Hữu Thịnh	Công nghệ Thông tin
16	25120013	Nguyễn Tiên Tuấn	Công nghệ Thông tin
17	25120019	Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	Công nghệ Thông tin
18	25120031	Huỳnh Nguyên Cương	Công nghệ Thông tin
19	25120081	Trần Huỳnh Minh Khôi	Công nghệ Thông tin
20	25120110	Hồ Trung Nguyên	Công nghệ Thông tin
21	25120111	Lê Bảo Nguyên	Công nghệ Thông tin
22	25120119	Nguyễn Hưng Phát	Công nghệ Thông tin
23	25120129	Nguyễn Phan Nhật Quang	Công nghệ Thông tin
24	25120130	Cao Hoài Sang	Công nghệ Thông tin
25	25120132	Lương Ngọc Thế Tài	Công nghệ Thông tin
26	25120137	Trần Quang Thắng	Công nghệ Thông tin
27	25120151	Võ Hoàng Anh Tuấn	Công nghệ Thông tin
28	25120174	Trương Lâm Thành Danh	Công nghệ Thông tin
29	25120176	Nguyễn Điền Du	Công nghệ Thông tin
30	25120202	Võ Ngọc Ánh Linh	Công nghệ Thông tin

31	25120206	Nguyễn Văn Phi Long	Công nghệ Thông tin
32	25120222	Võ Thiên Phúc	Công nghệ Thông tin
33	25120257	Nguyễn Huỳnh Đệ	Công nghệ Thông tin
34	25120280	Phạm Thị Lan Anh	Công nghệ Thông tin
35	25120286	Trần Duy Bảo	Công nghệ Thông tin
36	25120328	Đặng Minh Hùng	Công nghệ Thông tin
37	25120344	Trương Quang Huy	Công nghệ Thông tin
38	25120346	Đoàn Ngọc Khải	Công nghệ Thông tin
39	25120359	Tô Ngọc Gia Khiêm	Công nghệ Thông tin
40	25120369	Huỳnh Tuấn Kiệt	Công nghệ Thông tin
41	25120378	Võ Hoàng Long	Công nghệ Thông tin
42	25120383	Lê Hải Nam	Công nghệ Thông tin
43	25120408	Nguyễn Tiến Phát	Công nghệ Thông tin
44	25120410	Nguyễn Văn Phát	Công nghệ Thông tin
45	25120432	Lê Tấn Tài	Công nghệ Thông tin
46	25120437	Nguyễn Đức Thiện Thanh	Công nghệ Thông tin
47	25120450	Võ Ngọc Bảo Trân	Công nghệ Thông tin
48	25120453	Mai Hữu Trí	Công nghệ Thông tin
49	25120478	Huỳnh Tấn Đức	Công nghệ Thông tin
50	25122006	Bùi Trung Hậu	Công nghệ Thông tin
51	25127075	Nguyễn Ngọc Khánh	Công nghệ Thông tin
52	25127088	Trương Nguyễn Gia Linh	Công nghệ Thông tin
53	25127089	Hà Hoàng Lợi	Công nghệ Thông tin
54	25127132	Bùi Hữu Tấn Tài	Công nghệ Thông tin
55	25127138	Doãn Lê Thành	Công nghệ Thông tin
56	25127176	Hồ Ngọc Như Ý	Công nghệ Thông tin
57	25127211	Trương Thị Thảo Ly	Công nghệ Thông tin
58	25127234	Nguyễn Thị Thảo Sương	Công nghệ Thông tin
59	25127331	Nguyễn Huỳnh Minh Hiếu	Công nghệ Thông tin
60	25127372	Trần Hoàng Khang	Công nghệ Thông tin
61	25127375	Nguyễn Huy Khánh	Công nghệ Thông tin
62	25127411	Nguyễn Hoàng Long	Công nghệ Thông tin
63	25127454	Trần Hòa Phát	Công nghệ Thông tin
64	25127458	Nguyễn Tấn Phú	Công nghệ Thông tin
65	25127531	Trần Đặng Minh Trí	Công nghệ Thông tin
66	25127540	Lê Minh Tuấn Tú	Công nghệ Thông tin
67	25160063	Phùng Chí Cường	Địa chất
68	25160109	Dương Ngọc Bảo Trân	Địa chất
69	25270027	Trần Thị Kim Ngọc	Địa chất
70	24200054	Đỗ Tiến Đạt	Điện tử Viễn thông
71	24200070	Nguyễn Trần Văn Hiếu	Điện tử Viễn thông
72	24200183	Nguyễn Hoài Thương	Điện tử Viễn thông
73	24207092	Nguyễn Trung Hiếu	Điện tử Viễn thông
74	25200010	Đoàn Tiến Đạt	Điện tử Viễn thông
75	25200102	Nguyễn Thanh Giang	Điện tử Viễn thông
76	25200107	Lưu Gia Hiếu	Điện tử Viễn thông
77	25200110	Vương Sỹ Phước Hương	Điện tử Viễn thông

78	25200116	Nguyễn Đắc Anh Khoa	Điện tử Viễn thông
79	25200123	Phạm Phước Lộc	Điện tử Viễn thông
80	25200145	Nguyễn Minh Triết	Điện tử Viễn thông
81	25200150	Lê Sỹ Hùng	Điện tử Viễn thông
82	25207052	Nguyễn Cao Phát	Điện tử Viễn thông
83	25207104	Phạm Hữu Long	Điện tử Viễn thông
84	25207114	Lê Nguyễn Song Thành	Điện tử Viễn thông
85	24140030	Nguyễn Ngọc Minh Quân	Hóa học
86	24140141	Tô Minh Khôi	Hóa học
87	24140169	Ngô Phương Nam	Hóa học
88	24147145	Hồ Nữ Thủy Linh	Hóa học
89	24247012	Trần Đức Thịnh	Hóa học
90	24247024	Trần Lê Nguyên	Hóa học
91	24247025	Võ Trọng Nhân	Hóa học
92	24247028	Đặng Minh Triết	Hóa học
93	24247041	Nguyễn Bích An	Hóa học
94	24247087	Huỳnh Phước Lộc	Hóa học
95	24247089	Phan Đức Mạnh	Hóa học
96	24247096	Lưu Hải My	Hóa học
97	24247097	Bùi Thanh Ngân	Hóa học
98	24247098	Đặng Thiên Ngân	Hóa học
99	24247118	Nguyễn Quốc Thành	Hóa học
100	25140004	Đỗ Ngọc Luân	Hóa học
101	25140031	Đoàn Mạnh Hoan	Hóa học
102	25140074	Nguyễn Cẩm Tú	Hóa học
103	25140088	Võ Hoàng An Bình	Hóa học
104	25140094	Nguyễn Hân	Hóa học
105	25140118	Trương Nguyễn Nhã Nghi	Hóa học
106	25140127	Lê Nguyễn Tấn Phát	Hóa học
107	25140134	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	Hóa học
108	25140137	Đinh Phúc Thịnh	Hóa học
109	25140152	Ngô Vũ Kiều Ân	Hóa học
110	25140175	Trần Gia Huy	Hóa học
111	25140195	Nguyễn Lê Như Quỳnh	Hóa học
112	25140210	Phạm Bảo Thiên	Hóa học
113	25140211	Hoàng Minh Thiện	Hóa học
114	25147023	Trần Đặng Quốc Huy	Hóa học
115	25147083	Nguyễn Đức Thịnh	Hóa học
116	25147148	Trần Thị Thủy Tiên	Hóa học
117	25310029	Trần Nguyên Phương	Khoa học liên ngành
118	23250030	Võ Quang Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
119	23250067	Võ Thế Vĩ	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
120	23250069	Lê Huỳnh Vũ	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
121	24190090	Nguyễn Phạm Khánh Ly	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
122	24190103	Nguyễn An Nhân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
123	24190121	Đào Lê Minh Quốc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
124	24250005	Đoàn Trung Hiếu	Khoa học và Công nghệ Vật liệu

125	24250069	Lê Nghi Lâm	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
126	25190007	Trần Thị Ngọc Anh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
127	25190024	Nguyễn Văn Hiếu	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
128	25190079	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
129	25190100	Lâm Minh Triết	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
130	25190101	Đỗ Thị Thanh Trúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
131	25190102	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
132	25190114	Vũ Gia Bảo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
133	25190115	Lê Huỳnh Chánh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
134	25190118	Đỗ Thành Công	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
135	25190130	Nguyễn Lâm Quỳnh Hương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
136	25190148	Nguyễn Đức Phát	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
137	25190159	Vương Vĩ Tín	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
138	25197014	Trương Minh Khang	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
139	25250010	Đinh Đỗ Nam Hải	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
140	25250053	Tạ Mỹ Nhi	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
141	25250056	Nguyễn Phan Phi Phụng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
142	25250059	Ngô Uyên Quân	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
143	25250067	Đinh Tấn Tài	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
144	25250139	Đinh Châu Ngọc Phương	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
145	25250144	Đoàn Thanh Thảo	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
146	25250148	Trần Thị Minh Thư	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
147	25250152	Phạm Kiều Trăm	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
148	24170049	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Môi Trường
149	24170082	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	Môi Trường
150	24170167	Phan Thị Vy	Môi Trường
151	24220039	Mai Thẩm Thùy Duyên	Môi Trường
152	24290062	Phạm Nguyễn Hoàng Minh	Môi Trường
153	25170003	Nguyễn Phúc Tịnh Anh	Môi Trường
154	25170025	Hồ Kim Hưng	Môi Trường
155	25170027	Đặng Thanh Huy	Môi Trường
156	25170028	Phạm Chấn Huy	Môi Trường
157	25170038	Trần Thị Hà Linh	Môi Trường
158	25170049	Đặng Kim Ngân	Môi Trường
159	25170056	Nguyễn Trọng Nhân	Môi Trường
160	25170059	Phan Thị Diệu Nhiên	Môi Trường
161	25170064	Nguyễn Hoàng Minh Phúc	Môi Trường
162	25170073	Lê Hoàng Anh Tài	Môi Trường
163	25170074	Võ Anh Tài	Môi Trường
164	25170090	Trần Minh Triết	Môi Trường
165	25170092	Lê Thanh Trúc	Môi Trường
166	25170136	Vũ Minh Tâm	Môi Trường
167	25170142	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	Môi Trường
168	25177050	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	Môi Trường
169	25220037	Phan Thị Trà Mi	Môi Trường
170	25220055	Nguyễn Trúc Quỳnh	Môi Trường
171	25220075	Phạm Mạnh Tuấn	Môi Trường

172	25220087	Nguyễn Châu Giang	Môi Trường
173	25220090	Trần Quỳnh Chi	Môi Trường
174	25220100	Trần Quang Minh	Môi Trường
175	25220126	Lê Huy Tú	Môi Trường
176	25290043	Trần Nguyễn Thanh Thảo	Môi Trường
177	25290044	Phạm Thị Anh Thư	Môi Trường
178	25290051	Dương Thị Thanh Vân	Môi Trường
179	25290059	Võ Ngọc Gia Tuệ	Môi Trường
180	25290068	Nguyễn Lê Nhật Hà	Môi Trường
181	25290080	Nguyễn Thị Phương Nguyên	Môi Trường
182	24150059	Trương Huỳnh Khánh Ngọc	Sinh học - Công nghệ Sinh học
183	24150131	Nguyễn Chí Bảo	Sinh học - Công nghệ Sinh học
184	24150201	Trần Thị Trúc Quỳnh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
185	24150229	Võ Minh Trường	Sinh học - Công nghệ Sinh học
186	24150231	Bùi Duy Tuấn	Sinh học - Công nghệ Sinh học
187	24180054	Nguyễn Thị Yến Linh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
188	24180071	Nguyễn Vương Hoàng Anh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
189	24180106	Nguyễn Chí Hiếu	Sinh học - Công nghệ Sinh học
190	24180127	Phạm Đào Trúc Linh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
191	24180201	Nguyễn Thị Thu Trang	Sinh học - Công nghệ Sinh học
192	24187115	Đặng Ngọc Gia Khiêm	Sinh học - Công nghệ Sinh học
193	25150014	Nguyễn Thị Diệu Chinh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
194	25150023	Hồ Mỹ Duyên	Sinh học - Công nghệ Sinh học
195	25150029	Võ Thị Bảo Hân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
196	25150039	Nguyễn Ngọc Khánh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
197	25150074	Dương Xuân Phú	Sinh học - Công nghệ Sinh học
198	25150107	Tiêu Trần Trần	Sinh học - Công nghệ Sinh học
199	25157005	Nguyễn Tấn Anh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
200	25157011	Phạm Ngọc Hân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
201	25157033	Nguyễn Lâm Nhã Thuỳ	Sinh học - Công nghệ Sinh học
202	25180004	Nguyễn Thị Thảo Yên	Sinh học - Công nghệ Sinh học
203	25180009	Phạm Nguyễn Minh Anh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
204	25180011	Lê Trường Bảo	Sinh học - Công nghệ Sinh học
205	25180013	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Sinh học - Công nghệ Sinh học
206	25180014	Huỳnh Ngọc Minh Châu	Sinh học - Công nghệ Sinh học
207	25180027	Lê Thị Diệu Hiền	Sinh học - Công nghệ Sinh học
208	25180048	Trần Thiên Ngân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
209	25180061	Tạ Thị Ngọc Phượng	Sinh học - Công nghệ Sinh học
210	25180099	Đỗ Chí Trọng	Sinh học - Công nghệ Sinh học
211	25180126	Hoàng Thị Thanh Hà	Sinh học - Công nghệ Sinh học
212	25180143	Nguyễn Phạm Phước Ngân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
213	25180150	Phùng Thục Phương Oanh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
214	25180159	Đoàn Thị Anh Thơ	Sinh học - Công nghệ Sinh học
215	25180161	Phan Xuân Anh Thư	Sinh học - Công nghệ Sinh học
216	25180163	Nguyễn Việt Tiến	Sinh học - Công nghệ Sinh học
217	25180169	Trần Ngọc Phương Uyên	Sinh học - Công nghệ Sinh học
218	25180176	Phạm Huỳnh Bảo Trâm	Sinh học - Công nghệ Sinh học

219	25180185	Nguyễn Xuân Hạ	Sinh học - Công nghệ Sinh học
220	25180227	Phạm Trần Hoàng Vũ	Sinh học - Công nghệ Sinh học
221	25187101	Vũ Ngọc Thu Nguyệt	Sinh học - Công nghệ Sinh học
222	25187120	Bùi Đăng Hải Yến	Sinh học - Công nghệ Sinh học
223	25187131	Dương Minh Châu	Sinh học - Công nghệ Sinh học
224	25187139	Nguyễn Thái Hoàng Nhân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
225	25187140	Nguyễn Quỳnh Như	Sinh học - Công nghệ Sinh học
226	25187153	Nguyễn Quốc Khánh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
227	25187155	Phùng Thái Nam	Sinh học - Công nghệ Sinh học
228	25187165	Vương Kim My	Sinh học - Công nghệ Sinh học
229	22110182	Bùi Huỳnh Xuân Quyến	Toán - Tin học
230	24110020	Lý Hoàng Huân	Toán - Tin học
231	24110031	Huỳnh Tuấn Kiệt	Toán - Tin học
232	24110032	Ngô Hoàng Lực	Toán - Tin học
233	24110034	Phạm Hoàng Minh	Toán - Tin học
234	24110054	Dương Thị Mỹ Tâm	Toán - Tin học
235	24110086	Lê Nam Khánh	Toán - Tin học
236	24110138	Nguyễn Trí Đạt	Toán - Tin học
237	24110144	Nguyễn Xuân Đức	Toán - Tin học
238	24110147	Nguyễn Anh Duy	Toán - Tin học
239	24110152	Lê Đông Hà	Toán - Tin học
240	24110161	Đặng Thanh Hòa	Toán - Tin học
241	24110165	Nguyễn Phi Hùng	Toán - Tin học
242	24110266	Nguyễn Đức Trung	Toán - Tin học
243	24280053	Lê Minh Cường	Toán - Tin học
244	25110015	Nguyễn Hoàng Bách	Toán - Tin học
245	25110028	Trần Tiến Đạt	Toán - Tin học
246	25110067	Mai Lân	Toán - Tin học
247	25110071	Lý Thiên Long	Toán - Tin học
248	25110089	Lê Ngọc Yên Nhi	Toán - Tin học
249	25110120	Đỗ Quốc Thịnh	Toán - Tin học
250	25110166	Lê Anh Khoa	Toán - Tin học
251	25110169	Võ Long Nhật Minh	Toán - Tin học
252	25110200	Nguyễn Hữu Hoà	Toán - Tin học
253	25110212	Trần Khả Kính	Toán - Tin học
254	25110225	Bùi Tấn Phát	Toán - Tin học
255	25110227	Phạm Tiến Phát	Toán - Tin học
256	25110246	Trần Tiến Khải	Toán - Tin học
257	25280007	Huỳnh Huyền Trân	Toán - Tin học
258	25280017	Trần Đức Hiếu	Toán - Tin học
259	25280033	Trần Huỳnh Như	Toán - Tin học
260	25280040	Trương Minh Quân	Toán - Tin học
261	25280044	Trần Văn Thịnh	Toán - Tin học
262	25280067	Hoàng Công Minh	Toán - Tin học
263	25280071	Võ Triết Sơn	Toán - Tin học
264	25280097	Vũ Tuấn Đạt	Toán - Tin học
265	25280113	Trần Khôi Nguyên	Toán - Tin học

266	25280114	Võ Lê Khôi Nguyên	Toán - Tin học
267	25280115	Lê Văn Nhân	Toán - Tin học
268	25300023	Lê Thanh Ngọc	Toán - Tin học
269	25300029	Trần Nhật Quang	Toán - Tin học
270	25300041	Thái Việt Chương	Toán - Tin học
271	25300067	Nguyễn Anh Quân	Toán - Tin học
272	23210011	Cao Mạnh Nhất	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
273	24130002	Đinh Lê Bảo Anh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
274	24130005	Nguyễn Tấn Đạt	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
275	24130035	Văn Quốc Khánh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
276	24130039	Trần Văn Khoa	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
277	24130052	Nguyễn Hoàng Minh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
278	24130061	Nguyễn Ôxít	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
279	24130063	Phan Thiên Phúc	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
280	24130158	Phan Minh Đức	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
281	24130224	Trần Minh Nghĩa	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
282	25130001	Lê Nguyễn Quốc Anh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
283	25130054	Huỳnh Quốc Vĩnh Khang	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
284	25130092	Phan Đăng Quang	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
285	25130100	Trần Ngọc Thành	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
286	25130113	Phạm Tuấn	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
287	25130137	Nguyễn Hữu Khang	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
288	25130151	Lê Kiên Trung	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
289	25130179	Hoà Minh Đức	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
290	25130192	Lê Bá Hiệu	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
291	25130197	Nguyễn Huy Hùng	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
292	25130226	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
293	25130228	Phan Duy Mạnh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
294	25130239	Sơn Thái Nguyên	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
295	25137003	Nguyễn Ngọc Anh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
296	25137015	Nguyễn Thế Duy	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
297	25137040	Nguyễn Hữu Liêm	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
298	25137046	Tăng Trần Quang Minh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
299	25137119	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
300	25210001	Trần Đỗ Phương Anh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
301	25210031	Nguyễn Thị Thủy Dương	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
302	25210050	Đặng Thị Ngọc Trinh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
303	25230023	Trình Xuân Thịnh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
304	25230032	Nguyễn Văn Chương	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
305	25260002	Phạm Nhật Hoàng Anh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
306	25260015	Trần Thị Phương Linh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
307	25260047	Nguyễn Trần Như Ngọc	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
308	25260049	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
309	25260053	Ngô Thị Quỳnh Trang	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật

Danh sách gồm có **309** sinh viên./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2025

**TM. BCN CÂU LẠC BỘ KỸ NĂNG
CHỦ NHIỆM**

Người lập bảng

Trần Văn Lĩnh

Phạm Hiếu Nghĩa